

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở KHOA NGỮ VĂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. ĐÀO THỦY NGUYÊN*

Abstract: Development of higher education program is a critical requirement of education in Viet Nam in the context of innovation and integration today. From the philosophy of science education office, from program aimed mainly access to knowledge to educational philosophy oriented capacity development, focusing on nature and multifaceted synthesis of capacities including knowledge, skills and attitudes, focused relationship between theory and practice, between school and practice, between literacy and teach people... orientation of education in Viet Nam is getting closer to the orbit of advanced education in the world.

Keywords: education program; literature.

Phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) đại học là yêu cầu cấp thiết của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay. Từ triết lý giáo dục khoa cử với mục tiêu chủ yếu là tiếp cận kiến thức đến triết lý giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, chú trọng tính chất tổng hợp và đa diện của năng lực bao gồm cả kiến thức, kỹ năng và thái độ, chú trọng mối quan hệ gắn kết giữa lí luận và thực tiễn, giữa học và hành, giữa dạy chữ và dạy người..., định hướng của giáo dục Việt Nam đang ngày càng đến gần hơn với quỹ đạo của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

1. Phát triển CTĐT ở Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Theo sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ban giám hiệu Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về đổi mới CTĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã nghiên cứu Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, Đề án của Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và các tài liệu liên quan đến đổi mới giáo dục phổ thông sau 2015... làm cơ sở để xây dựng CTĐT mới với mong muốn bắt nhịp cùng phổ thông trong đổi mới giáo dục và đào tạo ra các cử nhân sư phạm Ngữ văn kịp thời đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Trong nhà trường phổ thông, môn *Ngữ văn* có vị trí quan trọng hàng đầu. Học văn là cơ sở giúp học tốt các môn học khác. Nhưng trước hết, môn *Ngữ văn* trong nhà trường có giá trị tự thân, giúp người học có được năng lực ngôn ngữ: nói và viết mạch lạc, tư duy,

lập luận chặt chẽ...; góp phần rèn luyện các kỹ năng (mềm và cứng), góp phần giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng và hoàn thiện nhân cách. Học văn chính là học cách làm người. Muốn đạt được mục tiêu đó thì dạy văn không thể là quá trình truyền thụ tri thức “một chiều” mà phải là quá trình thầy hướng dẫn, trò tích cực khám phá các vấn đề của đời sống, hướng tới một cái nhìn nhân văn, nhân bản để biết chủ động chọn cách ứng xử phù hợp trước các tình huống thực tiễn. Chỉ có như thế thì giáo dục qua văn chương mới đáp ứng được yêu cầu phát triển cá nhân, hướng đến các giá trị tri thức và giá trị thẩm mĩ, giá trị nhân văn.

Mục tiêu quan trọng nhất của chương trình *Ngữ văn* đối với học sinh phổ thông là các kỹ năng giao tiếp. Trong môn *Ngữ văn*, mục tiêu giao tiếp được đặt lên hàng đầu vì đó là đặc trưng cơ bản của môn học và đó cũng là yêu cầu có tính mở đường đối với các mục tiêu khác. Chương trình coi “trực chính” là việc rèn tập cho người học thành thạo bốn kỹ năng giao tiếp (đọc - viết - nghe - nói, trong đó bao gồm cả năng lực trình bày và tiếp nhận thông tin qua các kênh nghe - nhìn), còn Tiếng Việt và Văn học là hai trục hỗ trợ, là chất liệu cho việc hình thành kỹ năng giao tiếp.

Theo định hướng tiếp cận năng lực cá nhân, CTĐT cần được thiết kế mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu cá thể hóa. Với người học, tiến trình đào tạo có thể “co giãn” tùy theo nhu cầu và khả năng của họ với nỗ lực đạt được các năng lực theo chuẩn đầu ra. Trong quá trình này, người học được lựa chọn các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp, năng

* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

lực và sở thích cá nhân... Với người dạy, từ những hoàn cảnh, những điều kiện cụ thể được linh hoạt điều chỉnh CTĐT trong phạm vi nhất định, được chủ động lựa chọn sử dụng các phương pháp, cách thức giảng dạy khác nhau... nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu về năng lực theo chuẩn đầu ra.

Chương trình “mở” giúp người học phát huy tính năng động và sáng tạo trong học tập, rèn các năng lực: tự học; giao tiếp; thẩm mỹ; hiểu biết và phát triển bản thân; phản biện; tư duy độc lập..., giúp họ được đối thoại, tranh luận, diễn thuyết một cách chủ động, tự tin... Với chương trình “mở”, chỉ nên quy định những nội dung mang tính khái quát và những yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng mà học sinh phải đạt được sau khi học xong chương trình; không áp đặt cách chọn lựa tác giả, tác phẩm cụ thể nào mà dành quyền đó cho người dạy và cả người học. Chương trình chỉ hướng dẫn và gợi mở những nội dung khái quát chung, còn việc lựa chọn những nội dung cụ thể sẽ do thầy và trò tự quyết định khi cùng nhau làm việc. Trong dạy học theo chương trình “mở” cần chú ý tính tương tác nhiều chiều qua trao đổi thảo luận: tương tác giáo viên - học sinh, tương tác học sinh - học sinh, tương tác trong và ngoài lớp học... Muốn vậy, giáo viên phải biết cách khơi gợi hứng thú và tạo ra môi trường học tập thân thiện có khả năng kích thích đối thoại, tranh luận, kích thích tư duy phản biện để giúp người học tìm ra chân lí đời sống.

Việc xây dựng chương trình mang tính “mở” hướng đến việc đánh giá năng lực và kĩ năng của học sinh chứ không chú trọng kiểm tra kiến thức và khả năng ghi nhớ. Vì thế, cách đánh giá cũng phải thay đổi cho phù hợp. Chủ yếu là tập trung đánh giá năng lực tư duy, kĩ năng đọc, viết của người học qua việc vận dụng kiến thức chứ không chú ý đến việc trình bày nội dung kiến thức thuần túy. Văn bản được dùng làm ngữ liệu để kiểm tra không chỉ là tác phẩm văn học mà đa dạng, phong phú, gắn với môi trường học thuật và đời sống thực tế của người học.

2. Trên cơ sở những nhận thức mới về đòi hỏi của giáo dục phổ thông trong thời kì mới, theo chúng tôi, việc phát triển CTĐT ngành *Ngữ văn ở Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên cần tập trung vào các nội dung sau:*

2.1. Cấu tạo lại hệ thống môn học. Để giảm áp lực thi cử cho người học, chúng tôi đã giảm số môn học có thời lượng 2 tín chỉ, tăng cường các môn học với thời lượng 3, 4, 5 tín chỉ. Các học phần trong CTĐT được rà soát kĩ để không còn có sự trùng lặp giữa các khối kiến thức trong các học phần. Việc xây dựng

chương trình mới hướng tới mục tiêu vừa chú trọng đi sâu khai thác các giá trị thẩm mỹ vừa đi sâu khai thác các giá trị nhân văn để vừa đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy môn *Ngữ văn ở trường phổ thông* vừa đáp ứng các yêu cầu liên ngành hoặc mở ra các cơ hội việc làm cho người học (*Ngôn ngữ báo chí; Văn học và đời sống; Âm nhạc, nghệ thuật tạo hình với văn học; Văn hóa và phát triển...*).

2.2. Tăng cường nhiều môn học mới. Ở cả hai phần tự chọn và bắt buộc, chúng tôi đều tăng cường nhiều môn học mới. Các học phần cơ bản đã thực sự hướng đến chương trình phổ thông và các hoạt động trải nghiệm thực tế của người học như: *Diễn dã, sưu tầm văn học dân gian; Dạy học từ Hán Việt ở trường phổ thông; Thực hành viết các kiểu văn bản ở trường phổ thông...* Các học phần bắt buộc đảm bảo tính hệ thống, toàn diện, trang bị cho người học hầu hết các kiến thức và kĩ năng nền tảng, cơ bản, cần thiết cho giáo viên tương lai. Các học phần tự chọn ngoài việc cung cấp tri thức mới còn mở rộng theo hướng tích hợp, liên môn, chú trọng hướng dẫn sinh viên cách dạy học đọc - hiểu và thực hành soạn giảng những tác phẩm cụ thể, tăng khả năng thực hành, ứng dụng thực tế nghề nghiệp cho sinh viên (*Tiếp cận tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thể loại; Tích hợp văn hóa trong dạy học tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại; Tiếp cận tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại ở trường phổ thông theo đặc trưng thể loại...*).

2.3. Điều chỉnh nội dung và phương pháp tiếp cận. Một số môn học tuy tên môn không thay đổi nhiều nhưng có điều chỉnh nhiều trong nội dung và phương pháp tiếp cận. Nội dung đã giảm đi những kiến thức quá hàn lâm, chỉ tập trung vào các đơn vị kiến thức cơ bản, đồng thời tăng cường rèn nghề qua các hoạt động thảo luận, thực hành nhằm vừa đảm bảo lượng kiến thức cần thiết, vừa có thời gian thực hành các kĩ năng nghề nghiệp và phát huy năng lực người học.

2.4. Tăng cường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Tăng khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm lên thời lượng tối đa (34 tín chỉ), đồng thời đưa vào các môn học mới thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục như: *Phát triển chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông; Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn; Đánh giá trong dạy học Ngữ văn.* Các môn học này chỉ dành rất ít thời gian cho việc dạy lí thuyết mà chủ yếu là thực hành và thảo luận, rèn luyện kĩ năng phát triển năng lực cho người học. Ngay cả các môn học thuộc khối kiến thức ngành cũng đều chú ý tăng cường nội dung tích hợp giữa

kiến thức cơ bản và kĩ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, chú trọng rèn nghề, hướng dẫn cho người học phương pháp dạy học bộ môn.

2.5. Thay đổi phương pháp dạy học. Quan điểm giáo dục “lấy người học làm trung tâm” và “tiếp cận năng lực người học” đòi hỏi giảng viên phải giảm thiểu phương pháp thuyết trình mà vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiện đại. Các hoạt động hỗ trợ (hoạt động nhóm, rèn luyện kĩ năng thuyết trình, xây dựng các mô hình trò chơi, sân khấu hóa tác phẩm văn học, sử dụng công nghệ thông tin...) được tăng cường nhằm tổ chức, hỗ trợ sinh viên tự lực và tích cực chủ động lĩnh hội tri thức, phát triển các năng lực chung và năng lực riêng của giáo viên *Ngữ văn* tương lai như: giao tiếp; hợp tác; phát hiện và giải quyết vấn đề; năng lực tư duy sáng tạo; nghiên cứu khoa học; cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm thẩm mĩ ở người học nhằm chuyển hóa các giá trị thẩm mĩ nhân văn từ tác phẩm văn chương vào thực tiễn đời sống; phát triển chương trình *Ngữ văn*... Tất cả các

học phần trong chương trình đều được xây dựng theo hướng: giảm nhiều giờ lí thuyết, tăng cường giờ bài tập, thảo luận, thực hành lên từ 30-50%.

* * *

Phát triển CTĐT là quá trình liên tục làm hoàn thiện CTĐT. Phát triển CTĐT ở Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền KT-XH và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT. □

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ. *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, 2014.
2. Phạm Hồng Quang. **Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - những vấn đề lí luận và thực tiễn**. NXB Đại học Thái Nguyên, 2013.
3. Hoàng Thị Tuyết. “Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực - Xu thế và nhu cầu”. Tạp chí *Phát triển và Hội nhập*, số 9, tháng 3-4/2013.

Đổi mới hoạt động kiểm tra...

(Tiếp theo trang 56)

học. Nếu độ khó của câu hỏi thi cao hơn năng lực thí sinh thì đề thi được cho là khó và ngược lại. Khi đó những câu hỏi khó hoặc dễ quá cần được loại bỏ và thay thế để có thể ĐG đúng năng lực của thí sinh. Cách làm này sẽ giúp xây dựng được một bộ công cụ với những câu hỏi thi đã được kiểm nghiệm và có độ tin cậy cao.

3.5. Tổ chức các kì thi ĐG NLNN theo định kì hàng năm. Đây là cách để phát huy năng lực của SV, đồng thời để SV làm quen với cách thức và phương pháp tổ chức một kì thi ĐG NLNN như thế nào. Qua đó, các em biết được năng lực của mình hiện đang ở mức độ nào để có sự phấn đấu và lên kế hoạch học tập nhằm đáp ứng được chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp.

Để thực hiện được điều đó, nhà trường cần có định hướng chỉ đạo Khoa Ngoại ngữ xây dựng những bộ câu hỏi để ĐG năng lực ở từng kĩ năng, các bài tập, các công cụ ĐG năng lực. Từ đó, GV lựa chọn nội dung phù hợp, sắp xếp các nội dung đó theo một trình tự hợp lí, đề xuất được những phương pháp dạy học hiệu quả, đồng thời xây dựng phương thức ĐG phù hợp.

GV có thể áp dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau (thậm chí có thể lựa chọn các nguồn tài liệu, học liệu khác nhau) sao cho những phương pháp và tài

liệu học tập đó phù hợp và hiệu quả nhất đối với SV của mình nhằm mục đích SV đạt được những mức chuẩn đầu ra tiếng Anh sau khi kết thúc khóa học.

* * *

Tóm lại, KT, ĐG theo hướng phát triển năng lực là xu thế tất yếu hiện nay. Nếu xây dựng được một quy trình ĐG thích hợp thì sẽ có những tác động tích cực tới hiệu quả dạy - học; qua đó nhận ra được những điểm mạnh, những điểm yếu trong quá trình giảng dạy để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung và phương pháp dạy học cho phù hợp. Vì vậy, cần được các nhà quản lí, GV cũng như SV quan tâm, nhận thức được tầm quan trọng của việc đổi mới trong dạy học ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu đổi mới hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Công Khanh (chủ biên) - Đào Thị Oanh - Lê Mỹ Dung. **Đánh giá trong giáo dục**. NXB Đại học Sư phạm, H. 2014
2. Trường Đại học Nha Trang. *Kĩ yếu hội nghị chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ*, 2014.
3. Nitko. A.J & Brookhart.S.M., *Educational Assessment of Students*. 5th Ed. Pearson Education, Inc, Upper Saddle River, New Jersey, Merrill Prentice Hall, 2007.
4. Wu, Kun-Huei. Perspectives on peer assessment in language teaching and learning. *Linguistics, Culture & Education*, 1(1), 42-57, 2012.